

Số: /TTr-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Điện lực (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công Thương kính trình Chính phủ thông qua nội dung Luật Điện lực (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐIỆN LỰC (SỬA ĐỔI)**1. Cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý**

- Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 55-NQ/TW) đã đưa ra quan điểm chỉ đạo “*nhANH chóng xây dựng thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh; áp dụng giá thị trường đối với mọi loại hình năng lượng*” (khoản 1 Phần II Nghị quyết số 55-NQ/TW) nhằm thực hiện mục tiêu tổng quát “*Xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” (điểm a khoản 2 Phần II Nghị quyết số 55-NQ/TW). Theo đó, Nghị quyết số 55-NQ/TW giao nhiệm vụ phải đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể: “*cần phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông giữa các phân ngành điện, than, dầu khí và năng lượng tái tạo, kết nối với thị trường khu vực và thế giới*” và “*sửa đổi, hoàn thiện các luật chuyên ngành về dầu khí, điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các luật khác liên quan đến ngành năng lượng để làm cơ sở thực hiện hiệu quả hơn cơ chế thị trường*” (khoản 6 Phần III Nghị quyết số 55-NQ/TW).

- Thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 02 tháng 10 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 140/NQ-CP Chương trình hành động của Chính phủ, trong đó, tại điểm a khoản 2 Phần II có giao Bộ Công Thương: “*Nghiên cứu, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện các quy định trong Luật Điện lực và các văn bản có liên quan về giá điện, điều tiết điện lực, chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện, chương trình điều chỉnh phụ tải điện và thị trường điện phù hợp với lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh*”.

- Triển khai Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của

Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 -2025. Đối với nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết đã nêu *“Đẩy mạnh rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo, chưa đầy đủ hoặc vướng mắc, nhất là về quy hoạch, đầu tư, kinh doanh, đất đai, tài chính, ngân sách, tài sản công, thuế... theo hướng vướng mắc ở cấp, ngành nào thì cấp, ngành đó chủ động, tích cực sửa đổi, hoàn thiện; nghiên cứu khẩn trương sửa đổi, thay thế các cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn để tháo gỡ điểm nghẽn và giải quyết những vấn đề tồn đọng gây thất thoát, lãng phí, bảo đảm tổng thể, toàn diện và sự thống nhất trong hệ thống pháp luật”*.

- Ngày 16 tháng 6 năm 2022 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030. Trong đó, Quốc hội giao Chính phủ: *“Tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Luật Quy hoạch và các nội dung có liên quan đến quy hoạch trong các luật, văn bản quy phạm pháp luật để khẩn trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch và các luật có liên quan đến quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật”*. Ngày 26 tháng 8 năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

Do đó, cần thiết phải thể chế hóa đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 55-NQ/TW tại Luật Điện lực, tổ chức triển khai và thực hiện các nhiệm vụ của Quốc hội và Chính phủ về rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Điện lực năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018 và Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự) đã xây dựng được khuôn khổ pháp lý cho hoạt động điện lực và sử dụng điện, bảo vệ được lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng điện và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện lực, đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao và góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, sau gần 20 năm triển khai thi hành và qua 03 lần sửa đổi, bổ sung một số điều (năm 2012, năm 2018 và năm 2022), đến giai đoạn hiện nay cần thiết phải nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Luật Điện lực để kịp thời điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong thực tiễn hoạt động điện lực và sử dụng điện. Thực tiễn

thi hành pháp luật về điện lực cho thấy còn tồn tại một số vấn đề mà các quy định tại Luật Điện lực hiện hành chưa đáp ứng được, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng mục tiêu triển khai các chính sách của Đảng đối với lĩnh vực năng lượng nói chung và điện lực nói riêng, đặc biệt là mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, tăng cường phân công, phân cấp, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về điện lực, đồng thời giải quyết một số vướng mắc trong quá trình thi hành Luật Điện lực hiện đang thiếu cơ sở pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cụ thể như sau:

2.1. Về quy hoạch phát triển điện lực

a) Trong quá trình tổng kết, rà soát Luật Điện lực cho thấy hiện nay, việc thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia có một số vướng mắc trong triển khai thực hiện, ảnh hưởng đến an ninh cung cấp điện, cụ thể như chất lượng xây dựng, tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch ngành điện chưa cao:

- Quy hoạch phát triển điện lực (QHPTĐL) có liên quan tới nhiều quy hoạch của các ngành như: than, dầu khí, năng lượng tái tạo, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch giao thông, Quy hoạch không gian đô thị, Quy hoạch phát triển công nghiệp,... Trên thực tế, việc đồng bộ hóa các quy hoạch này khá khó khăn do thời điểm xây dựng các quy hoạch thường không trùng khớp nhau. Các số liệu phục vụ quy hoạch chưa hoàn toàn đầy đủ, thiếu đồng bộ dẫn tới các kết quả dự báo, tính toán chưa chính xác.

- Công tác quản lý nhà nước đối với việc triển khai thực hiện quy hoạch còn chưa hiệu quả, thủ tục triển khai dự án phức tạp. Điều hành, quản lý việc thực hiện quy hoạch còn nhiều hạn chế, thiếu quyết liệt và chưa có giải pháp kịp thời thúc đẩy các dự án nguồn và lưới điện vào đúng tiến độ.

- Thiếu tính tuân thủ và sự phối hợp, ủng hộ của địa phương đối với quy hoạch đã được phê duyệt, chậm bố trí nguồn lực (đất đai, ...) để triển khai dự án, một số trường hợp các địa phương trước đây đã phê duyệt quy hoạch sau lại thay đổi khiến quy hoạch điện bị phá vỡ.

- Kế hoạch, tiến độ thực hiện, xác định nguồn lực một số dự án trong quy hoạch chưa rõ ràng. Việc đàm phán các hợp đồng dự án BOT phụ thuộc vào nhiều yêu cầu khắt khe từ các tổ chức tài chính quốc tế (bên cho vay) và có nhiều nội dung liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý của các Bộ, ngành và địa phương khác nhau khiến thời gian phát triển dự án kéo dài.

- Năng lực của các nhà đầu tư cũng như nhà thầu trong nước còn hạn chế cả về mặt tài chính và kỹ thuật. Một số địa phương chậm bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư theo cam kết để triển khai dự án. Trong giai đoạn hiện nay, các tổ chức tài chính quốc tế lại hạn chế hoặc không tiếp tục tài trợ cho các dự án nhiệt điện than.

- Vướng mắc khi triển khai các dự án theo QHPTĐL cần thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất rừng: Danh mục dự án điện đã được phê duyệt thoả thuận vị trí địa điểm, tuy nhiên chưa được địa phương đưa vào quy hoạch sử dụng đất, không có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm nên phải thực hiện các thủ tục về điều chỉnh theo

quy định. Nhiều dự án điện khi thực hiện bước phê duyệt thiết kế kỹ thuật thì phải chờ địa phương làm các thủ tục bổ sung kế hoạch sử dụng đất. Việc này kéo dài thời gian triển khai dự án (chậm từ 06 tháng đến 01 năm, thậm chí dài hơn). Vì vậy, cần phải có các giải pháp trong tổ chức, quản lý thực hiện quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực đồng bộ, quyết liệt, từ trung ương, các Bộ ngành đến địa phương, các tập đoàn kinh tế nhà nước,....

b) Cơ chế, chính sách đối với ngành điện còn thiếu đồng bộ

Thứ nhất, các văn bản pháp luật liên quan đến cung ứng điện còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, nhiều nội dung không rõ ràng, còn nhiều vướng mắc như:

(i) Về phân cấp quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương trong lĩnh vực điện lực (vướng mắc về thẩm quyền):

+ Giai đoạn 2015 - 2020: Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 chưa quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án nhóm A có tổng mức đầu tư (từ 2.300 đến dưới 5000 tỷ đồng) sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước và các dự án xây dựng trên địa bàn nhiều tỉnh. Đến năm 2021, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực, đã quy định rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư để tháo gỡ vướng mắc nêu trên.

+ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 và Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 09 năm 2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chưa quy định rõ việc “xem xét, phê duyệt” của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước trong thủ tục trình phê duyệt dự án đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước.

+ Quy trình đầu tư (về thẩm quyền quyết định dự án đầu tư) giữa Luật số 69/2014/QH13 khác với trình tự thủ tục đầu tư tại Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và Luật Đầu tư công. Mặc dù, tại điểm a, khoản 3, Điều 4 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 quy định: Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thì hành về trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh, bảo đảm đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, trừ các trường hợp sau đây “*Việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp*”. Tuy nhiên, các dự án điện sử dụng vốn nhà nước vẫn còn chưa rõ ràng trong tổ chức thực hiện trình, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư quy định “có” hay “không” thực hiện thủ tục này.

(ii) Về vướng mắc liên quan đến các quy định pháp luật trong thực hiện đầu tư các dự án điện

Quá trình triển khai các dự án điện sử dụng vốn nhà nước còn nhiều bất cập, chưa có quy trình thực hiện rõ ràng vì liên quan đến nhiều Luật, nhiều ngành. Nhiều thủ tục phải thực hiện, có sự chồng chéo mà chưa được quy định tối giản/xem xét đồng thời trong các giai đoạn (chuẩn bị đầu tư, đầu tư,...) do chịu sự điều chỉnh của nhiều Luật liên quan. Từ năm 2018 đến nay, các dự án điện lớn do

các Tập đoàn kinh tế nhà nước thực hiện là khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, dẫn đến nhiều dự án chưa thực hiện đầu tư xây dựng hoặc triển khai rất chậm, không đáp ứng theo tiến độ quy hoạch.

+ Khó khăn trong việc điều chỉnh quy hoạch để thực hiện đầu tư, xây dựng các dự án điện nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp điện. Việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia còn chậm, thiếu các tiêu chí rõ ràng, chưa có quy định để tạo cơ chế điều hành linh hoạt trong triển khai thực hiện quy hoạch để đảm bảo cung ứng điện.

+ Việc điều chỉnh các thông số dự án từ giai đoạn quy hoạch đến triển khai thi công là một quá trình nghiên cứu với mức độ chính xác tăng dần theo từng bước, từng giai đoạn nghiên cứu, thiết kế theo quy định của pháp luật về xây dựng. Do đó việc điều chỉnh các thông số kỹ thuật của các dự án điện trong quá trình đầu tư xây dựng là cần thiết và cần phải được quy định cụ thể tại Luật này.

+ Thiếu các cơ chế đặc thù cho phát triển ngành điện đã gây rất nhiều khó khăn đối với công tác phát triển điện lực theo đúng quy hoạch đã đề ra. Việc xác định tiêu chí thế nào “các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh năng lượng” thì chưa có quy định cụ thể tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào, dẫn tới thiếu hành lang pháp lý để triển khai quy định này. Mặt khác, để áp dụng cơ chế đặc thù theo Luật Xây dựng thì thủ tục cần thực hiện cho riêng từng công trình¹, chưa có cơ sở áp dụng chung cho nhóm công trình có tính chất cấp bách như nhau, chưa giải quyết được vấn đề cấp thiết cần rút ngắn thời gian thực hiện cho các dự án theo quy hoạch được duyệt.

Thứ hai, vướng mắc, hạn chế về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương trong thực hiện quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực

- Công tác quản lý nhà nước đối với việc triển khai thực hiện quy hoạch còn chưa hiệu quả, thủ tục triển khai dự án phức tạp. Điều hành, quản lý việc thực hiện quy hoạch còn nhiều hạn chế, thiếu quyết liệt và chưa có giải pháp kịp thời thúc đẩy các dự án nguồn và lưới điện vào đúng tiến độ.

- Thiếu tính tuân thủ và sự phối hợp, ủng hộ của địa phương đối với quy hoạch đã được phê duyệt, chậm bố trí nguồn lực (đất đai, ...) để triển khai dự án, một số trường hợp các địa phương trước đây đã phê duyệt quy hoạch sau lại thay đổi khiến quy hoạch điện bị phá vỡ.

- Luật Điện lực chưa có chế tài ràng buộc trách nhiệm của các chủ đầu tư khi thực hiện chậm trễ các dự án đầu tư xây dựng công trình điện. Mặc dù Luật Đầu tư, Luật Đất đai đã có các quy định xử lý các trường hợp cần thu hồi dự án. Tuy nhiên, trong thực tế, việc thực hiện thủ tục này chưa quyết liệt từ các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương và trung ương.

¹ Khoản 3 Điều 130 Luật Xây dựng: Thủ tướng Chính phủ quyết định các cơ chế đặc thù đối với từng công trình quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bao gồm khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; hình thức lựa chọn nhà thầu và các cơ chế đặc thù khác theo thẩm quyền để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng.

- Luật Điện lực được ban hành cách đây gần 20 năm, các quy định pháp luật liên quan đến quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai qua các thời kỳ có nhiều sự thay đổi, một số nội dung tại Luật Điện lực đã lỗi thời hoặc có sự chòng chẹo với pháp luật khác.

Thứ ba, về đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo

Hiện nay còn rất nhiều thôn/bản, một số đảo, đặc biệt là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo vẫn chưa được sử dụng điện hoặc có điện nhưng không bảo đảm an toàn, những khu vực này đều có suất đầu tư rất cao, nhưng không có hiệu quả về kinh tế - tài chính. Việc huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư cấp điện là một thách thức rất lớn, không khả thi. Giai đoạn từ 2013 - 2023, triển khai cấp điện phụ thuộc chủ yếu từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trung ương và địa phương.

Thực hiện chính sách năng lượng của Đảng và Nhà nước, trong đó bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, cần cụ thể hóa trong Luật Điện lực đồng bộ với các quy định luật hiện hành để có nguồn lực đầu tư đạt tỷ lệ 100% số hộ dân được tiếp điện an toàn, tin cậy. Như vậy, cần thiết điều chỉnh quy định tại khoản 1, Điều 61, Luật Điện lực 2004, quy định cụ thể việc sử dụng vốn đầu tư công cho đầu tư phát triển lưới điện vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

2.2. Về khuyến khích phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới (NLTT)

Thứ nhất, yêu cầu thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về phát triển nguồn NLTT và hoàn chỉnh khung pháp lý để thúc đẩy phát triển nguồn năng lượng tái tạo, thực hiện cam kết về chống biến đổi khí hậu.

Các nguồn thủy điện lớn hiện tại đã khai thác gần hết, các nhà máy nhiệt điện than mới rất khó thu xếp, huy động vốn đầu tư, các nhà máy điện khí hóa lỏng nhập khẩu phụ thuộc rất nhiều vào giá dầu thế giới và hiện nay giá bán điện còn khá cao... trong khi nhu cầu điện cho phát triển kinh tế xã hội vẫn duy trì ở mức khá cao khoảng 8-9%/năm tới năm 2030 là một thách thức lớn đối với ngành điện. Chính vì vậy, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW, trong đó đề ra hàng loạt nhiệm vụ và giải pháp đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo như xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch; ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện; khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn; xây dựng chính sách hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển điện gió ngoài khơi gắn với triển khai thực hiện Chiến lược biển Việt Nam...

Thứ hai, yêu cầu về hoàn chỉnh khung chính sách nhằm quy định cụ thể về đấu thầu và phát triển cạnh tranh đối với các dự án NLTT thuộc lĩnh vực chuyên ngành; giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong áp dụng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, đấu thầu; đảm bảo định hướng về chuyển dịch từ chính sách

khuyến khích, hỗ trợ phát triển nguồn năng lượng tái tạo sang chính sách cạnh tranh.

Trong thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành ban hành nhiều chính sách, giải pháp cụ thể nhằm khuyến khích phát triển các loại hình năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện chất thải rắn, thủy điện nhỏ, trong đó có chính sách giá điện hỗ trợ (Feed in tariff). Điểm chung của chính sách giá điện hỗ trợ là áp dụng cơ chế mua bán điện theo giá hỗ trợ tại điểm giao nhận điện, ưu tiên mua điện của Bên mua đối với nguồn NLTT, áp dụng hợp đồng mua bán điện mẫu với thời hạn 20 năm. Chính sách giá FIT được ban hành áp dụng trên cơ sở kinh nghiệm của thế giới đối với các nước có thị trường điện năng lượng tái tạo mới hình thành và phát triển, các điều kiện thị trường điện chưa sẵn sàng, các dịch vụ, sản xuất phụ trợ chưa sẵn sàng, chi phí phát triển nguồn điện năng lượng tái tạo cao hơn so với các nguồn điện truyền thống. Tuy nhiên, chính sách giá FIT là cơ chế khuyến khích của Nhà nước chỉ được áp dụng trong thời gian nhất định để khuyến khích thu hút đầu tư vào những lĩnh vực cần đầu tư. Hiện nay, Việt Nam đã có những bước phát triển nhất định về NLTT, vì vậy, cần nghiên cứu chuyển dịch từ chính sách hỗ trợ sang chính sách cạnh tranh nhằm tăng cường hiệu quả trong quản lý hệ thống, cạnh tranh về chi phí và đảm bảo cung cấp điện chất lượng, ổn định, bền vững. Theo đó, việc tiếp tục duy trì các chính sách giá FIT nêu trên không còn phù hợp. Việc khuyến khích nguồn điện NLTT nên được thực hiện thông qua khung giá phát điện, linh hoạt để phù hợp định hướng phát triển trong từng thời kỳ.

Cần thể chế hóa các chủ trương, mục tiêu tại Nghị quyết số 55-NQ/TW về “*Khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái*” sau khi các quy định khuyến khích về cơ chế giá FIT hết hiệu lực và “*Có cơ chế cho phép phát triển các nhà máy điện sản xuất tại chỗ, tự cung cấp trong các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất*” trong Luật Điện lực nhằm khuyến khích các hộ gia đình, doanh nghiệp lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự dùng, thúc đẩy huy động nguồn lực xã hội, góp phần giảm bớt áp lực huy động tài chính cho Nhà nước.

Đối với phát triển điện gió ngoài khơi: Với chiều dài bờ biển hơn 3.400 km, nguồn tài nguyên gió (tiềm năng kỹ thuật điện gió ngoài khơi khoảng 600 GW) của Việt Nam được các chuyên gia trong nước và quốc tế đánh giá tốt hàng đầu khu vực Đông Nam Á, đứng thứ 5 ở châu Á và thứ 13 trên thế giới. Đối với lĩnh vực điện gió ngoài khơi, suất đầu tư là rất lớn, khoảng 2 - 3 tỷ USD/01 GW và thời gian thực hiện từ 6-8 năm kể từ lúc bắt đầu khảo sát và tùy theo quy mô công suất, khu vực triển khai dự án. Dự án điện gió ngoài khơi có vai trò quan trọng trong việc cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia, đồng thời việc phát triển điện gió ngoài khơi sẽ góp phần giúp Việt Nam thực hiện cam kết trung hoà các-bon đến năm 2050. Tuy nhiên, việc phát triển điện gió ngoài khơi ngoài việc bảo đảm an ninh năng lượng nhưng phải gắn với bảo vệ vùng trời, vùng biển và bảo đảm an ninh quốc gia. Việc khai thác tài nguyên thiên nhiên đối với Dự án điện gió ngoài khơi cũng chưa xác định được có hay không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tài nguyên môi trường biển và Hải đảo. Do đó, việc thể chế hoá Nghị quyết 55 của Bộ Chính trị về cơ chế đột phá cho phát triển điện gió ngoài khơi

gắn với triển khai thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn.

Vì vậy, Luật Điện lực cần được sửa đổi, bổ sung nội dung chính sách phát triển NLTT để thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng.

2.3. Về điều kiện hoạt động điện lực và cấp, miễn trừ, thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực

Trong thực tiễn quá trình thực hiện Luật Điện lực còn một số nội dung vướng mắc, cụ thể như sau:

a) Về điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực:

- Hoạt động điện lực là hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Điện lực và Luật Đầu tư. Hiện nay, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động điện lực, các điều kiện cấp giấy phép thường xuyên phải được rà soát, đánh giá để thực hiện cắt giảm tối đa. Trong thực tế thi hành, Chính phủ đã bãi bỏ, cắt giảm 99/163 (khoảng 60%) điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực điện lực (tại Nghị định số 08/2018/NĐ-CP), bãi bỏ 08 điều kiện và đơn giản hóa 03 điều kiện đối với các lĩnh vực phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ và tư vấn chuyên ngành điện lực (tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). Trong khi đó, một số nội dung về điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực tại Điều 32 Luật Điện lực không còn phù hợp với thực tiễn và không đảm bảo sự linh hoạt trong việc đánh giá điều kiện hoạt động điện lực để kịp thời điều chỉnh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp cũng như nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Do đó, để phù hợp với thực tiễn thi hành và sửa đổi, cắt giảm điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực điện lực được linh hoạt, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cải cách hành chính, cần thiết phải sửa đổi quy định tại Luật Điện lực theo hướng giao cho Chính phủ quy định điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực và quy định về thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực nhằm nâng cao việc phân cấp, phân quyền cho các đơn vị.

b) Về hồ sơ cấp giấy phép hoạt động điện lực:

Hiện tại, Luật Điện lực đang quy định bốn thành phần hồ sơ chung để cấp giấy phép hoạt động điện lực. Trong thực tế thi hành công tác cấp giấy phép hoạt động điện lực, mỗi hoạt động điện lực phải có các điều kiện riêng, tương ứng với các thành phần hồ sơ thể hiện đáp ứng đủ điều kiện cấp giấy phép theo quy định. Vì vậy, để có thể xác định được đối tượng đề nghị cấp giấy phép có đáp ứng đủ điều kiện hoạt động điện lực hay không, Bộ Công Thương phải hướng dẫn chi tiết thành phần hồ sơ cho từng lĩnh vực hoạt động điện lực. Thành phần hồ sơ này cũng linh hoạt thay đổi đáp ứng với yêu cầu tinh giản điều kiện cấp phép và cải cách thủ tục hành chính của lĩnh vực điện lực. Vì vậy, việc quy định thành phần hồ sơ trong Luật Điện lực là không còn phù hợp với yêu cầu linh hoạt trong tinh giản điều kiện cấp giấy phép và cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho các đối tượng liên quan tham gia hoạt động điện lực.

Do đó, cần thiết giao Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép hoạt động điện lực để đảm bảo linh hoạt trong thực hiện theo từng thời kỳ

phù hợp với thực tiễn của sự phát triển về công nghệ và đáp ứng yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính.

c) Về miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực:

Do tính chất của một số hoạt động điện lực, để tạo điều kiện cho một số tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực mà không phải thực hiện thủ tục hành chính là xin giấy phép hoạt động điện lực, Luật Điện lực đã quy định một số trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực. Tuy nhiên, một số trường hợp được miễn trừ hiện nay đã không còn phù hợp với điều kiện phát triển ngành điện hiện tại như quy mô kinh doanh điện tại nông thôn, miền núi, hải đảo; phát triển năng lượng tái tạo phục vụ phụ tải tại chỗ (điểm c khoản 1 Điều 34)... Do đó cần nghiên cứu, sửa đổi các quy định về miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực một cách hợp lý nhằm thúc đẩy, khuyến khích phát triển điện lực trong tương lai.

d) Về thu hồi giấy phép hoạt động điện lực:

Quy định tại Luật Điện lực hiện nay chỉ cho phép thu hồi giấy phép hoạt động điện lực trong 04 trường hợp. Trong thực tế thi hành còn phát sinh các trường hợp cần thiết phải thu hồi giấy phép khác như đối tượng đề nghị không trung thực trong quá trình gửi hồ sơ đề nghị để được cấp Giấy phép, sau đó bị phát hiện; đơn vị điện lực có nhu cầu ngừng hoạt động hoặc chuyển giao hoạt động được cấp phép cho đơn vị khác; khi có đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đơn vị điện lực vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan; đơn vị điện lực không báo cáo cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày thay đổi địa chỉ trụ sở trong giấy phép hoạt động điện lực...

Như vậy, có thể nhận thấy, theo sự thay đổi của thực tiễn thi hành, các trường hợp bị thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực sẽ phát sinh thay đổi tương ứng. Do đó, ngoài việc xác định các nguyên tắc về việc thu hồi giấy phép hoạt động điện lực tại Luật Điện lực, cũng cần thiết phải giao cho Chính phủ quy định các trường hợp thu hồi giấy phép hoạt động điện lực để đảm bảo tính linh hoạt, tạo điều kiện cho các đơn vị nhanh chóng tham gia hoạt động điện lực, vừa quản lý được việc đáp ứng đủ các điều kiện tham gia hoạt động điện lực, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tế thi hành.

2.4. Về giá điện theo cơ chế thị trường và hoạt động mua bán điện đảm bảo định hướng phát triển thị trường điện

- Về thực hiện giá điện theo cơ chế thị trường và điều hành giá điện

Luật Điện lực hiện hành quy định “*Giá bán điện thực hiện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực*” (điểm a khoản 1 Điều 31). Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Điện lực, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quy định cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện. Cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân hiện hành do Thủ tướng Chính phủ ban hành (tại Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 và sẽ được thay thế bởi Quyết định số 05/2024/QĐ-TTg kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2024) có phân cấp thẩm quyền điều chỉnh giá bán lẻ điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Công Thương và Thủ tướng Chính phủ tùy thuộc vào mức

độ điều chỉnh giá bán lẻ điện, đã tạo hành lang pháp lý cho việc tính toán và điều chỉnh giá điện theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước để đảm bảo kinh tế vĩ mô.

Thực tế thực hiện cho thấy, việc điều hành giá điện như hiện nay đảm bảo tính minh bạch và linh hoạt trong quá trình triển khai thi hành, tuy nhiên do điện là loại hàng hóa thiết yếu nên việc điều chỉnh giá điện chịu nhiều sức ép của dư luận và có thể gây ảnh hưởng lớn tới tình hình kinh tế vĩ mô. Việc điều hành giá bán lẻ điện, quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện cần được xem xét và đánh giá một cách tổng thể trên tất cả các lĩnh vực. Việc điều hành giá bán lẻ điện thực tế các năm qua đều được họp thảo luận và quyết định thông qua các cuộc họp Thường trực Chính phủ. Khoản 3 Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 quy định Chính phủ có thẩm quyền “*quyết định chính sách cụ thể về tài chính, tiền tệ quốc gia, tiền lương, giá cả*”. Ngoài ra, Nghị quyết số 55-NQ/TW có nêu: “*Nghiên cứu, thực hiện luật hóa việc điều hành giá điện*”. Vì vậy, để đảm bảo sự phù hợp với các quy định pháp luật khác, đảm bảo sự thống nhất trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ, cần thiết phải xem xét sửa đổi thẩm quyền trong việc ban hành cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện đã được quy định tại Luật Điện lực hiện hành (phân cấp cho Thủ tướng Chính phủ), đảm bảo phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 55-NQ/TW theo hướng Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện, trong đó quy định cụ thể thẩm quyền điều chỉnh giá điện theo từng mức điều chỉnh giá.

Việc này đảm bảo nguyên tắc chung là Chính phủ đóng vai trò ban hành thể chế pháp luật, cơ chế chính sách về điều chỉnh giá điện, phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 55-NQ/TW, phù hợp với thực tiễn điều chỉnh giá điện thời gian qua, phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ.

- Về chính sách giá điện

(i) Về việc tính đúng, tính đủ và lợi nhuận hợp lý của các đơn vị điện lực

Khoản 1 Điều 29 Luật Điện lực quy định về chính sách giá điện: “*1. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển điện lực có lợi nhuận hợp lý, tiết kiệm tài nguyên năng lượng, sử dụng các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo không gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động điện lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là ở nông thôn, miền núi, hải đảo.*”

Khoản 4 Điều 30 Luật Điện lực quy định căn cứ lập và điều chỉnh giá điện: “*4. Các chi phí sản xuất, kinh doanh điện và lợi nhuận hợp lý của đơn vị điện lực.*”

Căn cứ các quy định nêu trên tại Luật Điện lực, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã ban hành các Quyết định, Thông tư hướng dẫn thực hiện về giá phát điện, giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, giá bán lẻ điện bình quân. Theo đó, giá điện các khâu nêu trên được xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ các chi phí sản xuất kinh doanh và lợi nhuận hợp lý.

Định hướng phát triển thị trường điện lực ở Việt Nam là mở ra cạnh tranh đối với khâu phát điện đầu tiên, sau đó là bán buôn điện và tiến tới là cạnh tranh bán lẻ điện. Thời gian vừa qua, để thu hút đầu tư tư nhân vào khâu phát điện, các

dự án phát điện theo hình thức IPP, BOT (có chủ đầu tư không phải Tập đoàn Điện lực Việt Nam) đã thỏa thuận, đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện với tỷ suất sinh lợi nội tại về tài chính (IRR) phổ biến ở mức từ 10% đến 12% trong khi mức tỷ suất áp dụng cho các đơn vị phát điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (thủy điện đa mục tiêu) và các khâu khác (truyền tải điện, phân phối-bán lẻ điện) thông thường chỉ ở mức 3% (hoặc thấp hơn từ 0% đến dưới 3%, tùy tình hình cân đối tài chính của EVN hàng năm, đặc biệt trong các năm không thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện). Ngoài ra một trong những quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 55-NQ/TW là “*xây dựng thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch*”.

Vì vậy, cần thiết phải kế thừa những nguyên tắc đang được quy định tại Luật Điện lực và tiếp tục bổ sung chính sách phù hợp theo hướng giá điện đảm bảo phản ánh chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh điện của đơn vị điện lực và được thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị điện lực.

(ii) Về căn cứ lập và điều chỉnh giá điện

Trong thời gian vừa qua, việc lập và điều chỉnh giá điện được căn cứ trên báo cáo tài chính, số liệu chi phí sản xuất kinh doanh điện đã được kiểm toán của các đơn vị điện lực. Để luật hóa yêu cầu về số liệu lập và điều chỉnh giá điện đối với các đơn vị điện lực, cần thiết bổ sung các nội dung này trong dự thảo Luật Điện lực sửa đổi.

(iii) Về vấn đề bù chéo

Luật Điện lực hiện hành quy định “Thực hiện cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hợp lý đối với các nhóm khách hàng”; Nghị quyết số 55-NQ/TW đưa ra định hướng “không thực hiện bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng miền”. Vì vậy, cần thiết bổ sung quy định chính sách về việc giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng miền.

(iv) Về vấn đề nhập khẩu điện

Nghị quyết số 937/NQ-UBTVQH15 ngày 13/12/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về giám sát chuyên đề về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021 đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp về việc cần có cơ chế giá điện phù hợp trong việc nhập khẩu điện đối với các nước trong khu vực. Vì vậy, cần thiết bổ sung nội dung có liên quan vào dự thảo Luật Điện lực sửa đổi.

(v) Về các nội dung khác

- Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện trong trường hợp cần thiết để ổn định phát triển kinh tế - xã hội.

Trong các năm 2020 và 2021, do tác động nặng nề của dịch COVID-19, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương và EVN thực hiện việc hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Để các đơn vị có liên quan có cơ sở thực hiện đối với những

trường hợp tương tự phát sinh sau này, cần bổ sung quy định chung về trường hợp Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện trong trường hợp cần thiết để ổn định phát triển kinh tế - xã hội. Đề xuất này được căn cứ trên nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ là *“Thống nhất quản lý nhà nước nền kinh tế quốc dân, thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; ...”* (quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ) và nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ là *“Lãnh đạo công tác của Chính phủ; lãnh đạo việc xây dựng chính sách và tổ chức thi hành pháp luật; ...”* (khoản 1 Điều 28 Luật Tổ chức Chính phủ).

- Để làm rõ việc tính toán bình quân khung giá phát điện theo đời sống kinh tế dự án, tính toán bình quân khung giá bán buôn điện theo thời gian sử dụng và tính toán bình quân trong chu kỳ tính khung giá, cần thiết bổ sung các nội dung liên quan đến việc Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập khung giá phát điện bình quân, khung giá bán buôn điện bình quân.

- Hiện nay, các nội dung liên quan đến thẩm quyền hướng dẫn phương pháp lập giá phát điện, giá bán buôn điện; thẩm quyền xây dựng giá điện hai thành phần, hướng dẫn về giá tạm thời tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP và các nội dung liên quan đến cơ chế giá điện khuyến khích cho khách hàng tham gia vào chương trình quản lý nhu cầu điện tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg nhưng lại chưa được quy định trong Luật về việc giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Ngoài ra, các nội dung về phương pháp xác định chi phí và giá điện nhà máy điện do nhà nước độc quyền xây dựng, vận hành và nhà máy thủy điện nhỏ chưa được quy định trong Luật về việc giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Do đó, cần thiết phải bổ sung nội dung giao thẩm quyền quy định chi tiết về các nội dung này để có cơ sở triển khai thực hiện.

- Về cơ chế giá điện và hoạt động mua bán điện đảm bảo định hướng phát triển thị trường điện lực

Luật Điện lực ban hành năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2018, 2022 và 2023) đã tạo cơ sở pháp lý để triển khai thị trường điện lực các cấp độ. Các nguyên tắc vận hành thị trường điện lực đến nay vẫn phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng tại khoản 1 phần II Nghị quyết số 55-NQ/TW về phát triển thị trường năng lượng nói chung và thị trường điện lực nói riêng như chính sách *“thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và tư vấn chuyên ngành điện lực”* (khoản 2 Điều 4 Luật Điện lực) hay các quy định về nguyên tắc, đối tượng, hình thức và nội dung hoạt động của thị trường điện lực tại Mục 1 Chương IV Luật Điện lực (từ Điều 17 đến Điều 21). Thực hiện quy định tại Luật Điện lực, Bộ Công Thương đã triển khai thực hiện thị trường phát điện cạnh tranh từ năm 2012, sau đó chuyển đổi sang thị trường bán buôn điện cạnh tranh từ năm 2019.

Tuy nhiên, để tiếp tục triển khai cấp độ về thị trường bán lẻ điện cạnh tranh trong các năm sắp tới đáp ứng yêu cầu *“Rà soát, điều chỉnh các quy định về kiểm*

soát và điều phối thị trường điện lực” và “Đẩy nhanh lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh” tại khoản 2 Phần III Nghị quyết số 55-NQ/TW, điều kiện tiên quyết là phải phân tách các khâu phân phối điện (mang tính độc quyền tự nhiên) với khâu kinh doanh bán lẻ điện (mang tính cạnh tranh). Trong khi đó, một số quy định tại Luật Điện lực hiện hành chưa đáp ứng việc triển khai cấp độ về thị trường bán lẻ điện cạnh tranh như: thiếu quy định về hợp đồng kỳ hạn, đây là một dịch vụ tài chính phái sinh để các đơn vị quản lý rủi ro trước biến động liên tục của giá điện trong thị trường điện. Ngoài ra, một số quy định khác cần được luật hóa tại Luật Điện lực như hoạt động mua bán điện thông qua hợp đồng, thanh toán tiền điện bảo lãnh thanh toán... để đảm bảo sự công khai, thống nhất, nhằm tăng cường sự đồng thuận trong xã hội, quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Về hợp đồng kỳ hạn trong thị trường điện

Tại khoản 2 Điều 20 Luật Điện lực hiện hành có quy định về hai hình thức mua bán điện trong thị trường điện lực: (i) Mua bán trên thị trường điện giao ngay; (ii) Mua bán thông qua hợp đồng có thời hạn.

Tuy nhiên, tại Luật Điện lực hiện nay chưa quy định rõ hợp đồng có thời hạn bao gồm cả hợp đồng kỳ hạn - một dịch vụ tài chính phái sinh để các bên quản lý rủi ro khi tham gia thị trường điện. Vì vậy cần phải quy định rõ hợp đồng kỳ hạn là một dạng hợp đồng trong hình thức mua bán điện thông qua hợp đồng có thời hạn để làm cơ sở pháp lý triển khai trong thực tiễn cũng như xử lý các vướng mắc về thuế Giá trị gia tăng đối với các giao dịch của loại hợp đồng này.

- Về mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện thông qua lưới điện quốc gia

Điều 47 Luật Điện lực hiện hành quy định về quyền mua điện trực tiếp từ đơn vị điện lực của khách hàng sử dụng điện lớn. Tuy nhiên, tại Điều này cũng chưa quy định việc ban hành văn bản hướng dẫn thuộc trách nhiệm của Cơ quan nào theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Đồng thời, Luật Điện lực hiện hành cũng cần quy định rõ về hoạt động của cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện thông qua lưới điện quốc gia. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định về nguyên tắc chính và thẩm quyền hướng dẫn đối với việc mua bán điện này làm cơ sở pháp lý triển khai thực hiện đáp ứng nhu cầu mới của khách hàng, doanh nghiệp và phù hợp với chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 55/NQ-TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 cũng như của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023.

- Về giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia

Theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Điện lực: Cơ chế giá bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện sinh hoạt tại những khu vực này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với cơ chế hỗ trợ giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ quy định; các loại giá điện khác do đơn vị điện lực xây dựng, Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở tham khảo ý kiến của cơ quan điều tiết điện lực.

Thực tiễn thực hiện quy định tại Điều 62 Luật Điện lực cho thấy: Theo kết quả kiểm tra giá thành sản xuất, kinh doanh điện hàng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chi phí sản xuất kinh doanh điện tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia cao hơn nhiều lần so với tại những khu vực đã nối lưới điện quốc gia do phải sử dụng các nguồn phát điện tại chỗ như diesel, gió, mặt trời.

Hiện nay, trong cơ cấu biểu giá điện tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ có quy định cơ chế hỗ trợ giá điện cho khu vực chưa nối lưới thông qua việc áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia; chênh lệch chi phí của đơn vị điện lực do áp dụng giá bán điện thống nhất toàn quốc thấp hơn giá thành sản xuất kinh doanh điện được tính vào giá điện chung toàn quốc đối với các khu vực do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện, đối với khu vực không do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện, chênh lệch chi phí được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Việc áp dụng cơ chế hỗ trợ giá điện cho khu vực chưa nối lưới thông qua việc áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an ninh quốc gia tại các khu vực biên giới, hải đảo và chính sách an sinh xã hội cho khu vực khó khăn, kinh tế thấp.

Vì vậy, cần thiết sửa đổi quy định giá điện nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia để vừa đáp ứng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong đảm bảo an ninh quốc gia tại các khu vực biên giới, hải đảo và chính sách an sinh xã hội cho khu vực khó khăn, kinh tế thấp, phù hợp với quy định tại khoản 1a Điều 4 Luật Điện lực về chính sách phát triển điện lực (quy định: “ưu tiên phát triển điện phục vụ nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”) và để đảm bảo tính thống nhất, xuyên suốt trong quy định từ Luật Điện lực đến văn bản dưới Luật.

- Một số nội dung về hợp đồng mua bán điện

+ Về hợp đồng mua bán điện có thời hạn (giữa đơn vị điện lực với khách hàng sử dụng điện) và một số nội dung liên quan mua bán điện giữa bên bán và khách hàng:

Luật Điện lực hiện hành quy định việc kiểm tra của cơ quan nhà nước đối với hợp đồng phát điện, hợp đồng bán buôn điện: “Kiểm tra hợp đồng mua bán điện có thời hạn giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, hợp đồng mua bán buôn điện theo quy định của Chính phủ” (điểm m khoản 1 Điều 66 Luật Điện lực được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực). Tuy nhiên, việc kiểm tra hợp đồng mua bán điện chỉ phù hợp với giai đoạn phát triển thị trường điện cạnh tranh với mô hình đơn vị mua duy nhất, trong đó đơn vị mua duy nhất có quyền lực thị trường. Trong giai đoạn phát triển

thị trường cạnh tranh ở cấp độ cao hơn, quyền lực thị trường không tập trung vào một đơn vị mua duy nhất do có nhiều đơn vị mua điện cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, không cần thiết phải có hình thức điều tiết của cơ quan quản lý nhà nước đối với hợp đồng mua bán điện có thời hạn trên thị trường nhiều đơn vị mua điện, nhiều đơn vị bán điện.

Do vậy, khi thị trường điện phát triển ở cấp độ cao hơn, việc quy định trách nhiệm kiểm tra hợp đồng mua bán điện có thể chưa phù hợp, cần thiết bổ sung các nội dung để thể hiện rõ nội dung này trong Dự thảo Luật Điện lực theo hướng Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra giá hợp đồng theo hợp đồng mua bán điện có thời hạn của đơn vị phát điện tham gia thị trường điện cạnh tranh theo mô hình một đơn vị mua duy nhất theo đề nghị của bên bán điện và bên mua điện.

+ Về hợp đồng mua bán điện (giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ, hợp đồng mua bán buôn điện):

Thực tiễn cho thấy việc Bộ Công Thương quy định về mẫu hợp đồng mua bán điện và kiểm tra hợp đồng mua bán điện sẽ gây khó khăn cho các bên trong việc đàm phán, thỏa thuận giữa 2 bên theo các quy định pháp luật khác như Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại. Vì vậy, để phù hợp với cơ chế thị trường cũng như nguyên tắc các bên tự thỏa thuận trong khung giá, cần sửa đổi, bổ sung quy định trong Luật Điện lực theo hướng Bộ Công Thương chỉ quy định các nguyên tắc chính của hợp đồng mua bán điện để phù hợp với quy định thị trường điện và các bên ký kết hợp đồng mua bán điện theo nội dung các bên thỏa thuận, đảm bảo giá điện không vượt khung (đối với các loại giá điện có quy định về khung giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành).

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ, hợp đồng mua bán buôn điện cũng cần được áp dụng cơ chế tương tự như hợp đồng mua bán điện của đơn vị phát điện.

- Về mua bán điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia và mua điện trực tiếp với nước ngoài không qua hệ thống điện quốc gia tại khu vực biên giới

Căn cứ Điều 28 Luật Điện lực và Nghị định số 137/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 09/2015/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục phê duyệt chủ trương mua, bán điện với nước ngoài (thủ tục hành chính). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung), Thông tư của Bộ trưởng chỉ được quy định thủ tục hành chính trong trường hợp được Luật, nghị quyết của Quốc hội giao, do vậy, Dự thảo Luật này đề xuất sửa đổi nội dung liên quan cho phù hợp.

2.5. Về quản lý, vận hành hệ thống điện

- Triển khai thực hiện Luật Điện lực về việc xây dựng thị trường điện tại Việt Nam, hiện nay việc lập lịch và huy động các nhà máy điện đang được thực hiện theo cơ chế thị trường. Theo quy định tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành, công tác điều độ, vận hành hệ thống điện hiện nay được thực

hiện trên cơ sở nguyên tắc thị trường với mục tiêu tối ưu chi phí mua điện cho toàn hệ thống điện. Các nhà máy điện tham gia thị trường (bao gồm trực tiếp, gián tiếp) sẽ được lập lịch huy động và vận hành dựa trên giá chào của các tổ máy, từ thấp đến cao, để đáp ứng phụ tải của hệ thống điện, đồng thời có xem xét các ràng buộc kỹ thuật trong hệ thống. Cơ chế điều độ, huy động các nhà máy điện nêu trên tạo ra sự minh bạch, công bằng trong việc huy động các nhà máy điện, tối ưu chi phí toàn hệ thống và phù hợp với các mục tiêu của việc vận hành thị trường điện tại Việt Nam. Nguyên tắc này đã được áp dụng xuyên suốt trong quá trình vận hành hệ thống điện nhằm đảm bảo tối ưu cho vận hành và chi phí của toàn hệ thống.

Luật Điện lực hiện hành thiếu quy định cơ sở pháp lý cho việc cập nhật, điều chỉnh các quy định kỹ thuật, vận hành hệ thống điện để đáp ứng thực tế như chưa phân cấp cụ thể cho Bộ Công Thương - là Bộ quản lý ngành thực hiện trách nhiệm quy định, hướng dẫn các vấn đề kỹ thuật, vận hành hệ thống điện. Do vậy, Dự thảo Luật này đề xuất bổ sung quy định phân cấp cho Bộ Công Thương trong việc ban hành các quy trình, quy định mang tính kỹ thuật như quy định về nguyên tắc vận hành, điều độ, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia, các yêu cầu kỹ thuật, đấu nối và vận hành lưới điện truyền tải-phân phối.

- Về tiết kiệm điện: Luật Điện lực năm 2004 quy định 01 chương về “tiết kiệm trong phát điện, truyền tải, phân phối và sử dụng điện”, trong đó đã quy định về chính sách và biện pháp khuyến khích, thúc đẩy tiết kiệm điện, tuy nhiên, đến năm 2010 Quốc hội ban hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trong đó, quy định về chính sách sử dụng năng lượng (bao gồm điện) tiết kiệm, hiệu quả. Do đó, trong quá trình triển khai hai luật trên khó tránh khỏi các vấn đề giao thoa giữa các quy định. Bên cạnh đó, một số nội dung về tiết kiệm điện có tính chất chuyên ngành chưa được cập nhật bổ sung vào Luật Điện lực, vì vậy, sẽ thiếu cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện.

Theo thống kê thực tế, tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện trong giai đoạn 2011-2019 tăng cao đã đặt ra thách thức lớn đối với việc đảm bảo cung cấp điện và nâng cao chất lượng dịch vụ điện năng. Việc sử dụng năng lượng (đặc biệt là sử dụng điện) ở Việt Nam chưa được tiết kiệm và hiệu quả, gây lãng phí lớn đối với ngành điện nói riêng và nền kinh tế nói chung. Công suất phụ tải tăng cao theo cùng xu hướng tăng của nhu cầu điện làm tăng nhu cầu đầu tư cho lưới điện và công suất nguồn điện phủ đỉnh, làm giảm hiệu quả kinh tế của hệ thống điện nói chung. Việc sử dụng các nguồn điện đắt tiền (dầu, diesel) để đáp ứng nhu cầu phụ tải đỉnh sẽ làm tăng phát thải khí nhà kính, ảnh hưởng tới việc thực hiện cam kết của quốc gia về giảm khí nhà kính và chống biến đổi khí hậu của Việt Nam và thế giới.

Do đó, sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường phải được xem là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội². Vì vậy, cần xây dựng chính sách phát triển thị trường tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng khi nghiên cứu xem xét bổ sung nội dung về tiết kiệm điện tại Luật Điện lực để xác định rõ

² Trích Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị

phạm vi điều chỉnh về “tiết kiệm điện” tại Luật Điện lực và quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đồng thời, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng ta về chính sách tiết kiệm điện tại Nghị quyết số 55-NQ/TW.

- Về quản lý nhu cầu điện, điều chỉnh phụ tải điện: Quy định hiện hành về công tác quản lý nhu cầu điện mới chỉ được đề cập hết sức sơ sài tại Điều 16 Luật Điện lực về tiết kiệm điện. Dự thảo Luật này đề xuất bổ sung nội dung định hướng cơ bản của công tác quản lý nhu cầu điện, quy định trách nhiệm của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện, xác định cơ chế tài chính để thực hiện các chương trình về quản lý nhu cầu điện. Bên cạnh đó, bổ sung quy định trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Công Thương trong việc xây dựng ban hành các quy định hướng dẫn và trình tự thực hiện chương trình quản lý nhu cầu điện.

2.6. Về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện, an toàn điện sau công tơ và an toàn đập, hồ chứa thủy điện

a) Về an toàn trong sử dụng điện

Thực tế hiện nay, các vụ tai nạn về điện có xu hướng tăng cao. Theo thống kê sơ bộ từ các địa phương trên cả nước trong giai đoạn vài năm trở lại đây, bình quân mỗi tỉnh xảy ra 5 - 8 vụ tai nạn về điện/năm, đặc biệt khu vực miền Tây Nam Bộ bình quân 10 - 15 vụ/năm, cá biệt khu vực Cà Mau có năm lên đến 20 vụ, làm chết và bị thương nhiều người, gây hư hỏng tài sản, thiệt hại về kinh tế...

Các nội dung về an toàn sử dụng điện (đặc biệt là an toàn điện sau công tơ) chưa được quy định một cách đầy đủ và hệ thống trong Luật và các văn bản dưới luật, một số vấn đề liên quan đến các hành vi đe dọa an toàn vận hành lưới điện, đe dọa tính mạng và tài sản người dân do tai nạn điện gây nên cũng chưa có quy định cấm, vì vậy, các cơ quan đang gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý.

Một số quy định liên quan lưới điện trong khu vực nhà ở dân sinh được các cơ quan, bộ ngành khác nhau chủ trì xây dựng, ban hành. Mặt khác Luật Điện lực (cũ) quy định ranh giới “...*Chịu trách nhiệm đầu tư đường dây dẫn điện từ sau công tơ mua điện đến nơi sử dụng điện* ...”. Do đó tại các công trình nhà ở và công trình công cộng phần điện sau công tơ (điện kế) chính do khách hàng sử dụng điện đầu tư hiện chưa có chế tài kiểm soát dẫn đến không đảm bảo yêu cầu chất lượng khi phê duyệt thiết kế, giám sát thi công, nghiệm thu công trình.

Thực tế đã và đang xuất hiện các hành vi vi phạm quy định an toàn điện trong nhân dân gây mất an toàn sử dụng điện như:

- Tự ý sửa chữa, thay đổi kết cấu mạch điện trong nhà; tăng công suất phụ tải sử dụng điện vượt quá nhu cầu đăng ký trong hợp đồng mua bán điện;
- Tự ý kéo điện sử dụng sai mục đích đã đăng ký trong hợp đồng mua bán điện.

Do chưa có quy định tại Luật Điện lực nên chưa có cơ sở để quy định chế tài xử lý vi phạm hành chính, do đó chưa đủ sức răn đe đối với các hành vi, vi phạm an toàn trong sử dụng điện, vi phạm quy trình vận hành dẫn đến tai nạn điện.

b) Về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện

- Trong những năm qua, hoạt động kiểm định các thiết bị dụng cụ điện được điều chỉnh bởi Luật Đo lường và quy định về kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp. Có sự chồng chéo và được quy định ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Do đó thực tế phát sinh có những thiết bị vừa phải có giấy chứng nhận kiểm định, vừa phải có Giấy chứng nhận hiệu chuẩn hoặc biên bản thí nghiệm. Các quy định này cũng chưa phản ánh hết được các đặc thù của kiểm định an toàn thiết bị điện. Một số quy định chưa chặt chẽ về điều kiện hoạt động của các tổ chức kiểm định, dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận hoạt động rất khó kiểm soát được các đơn vị không đủ điều kiện về con người, trang thiết bị và nhà xưởng...

- Chu kỳ kiểm tra, thí nghiệm, bảo dưỡng được dựa trên tình trạng vận hành của các thiết bị, các dạng hư hỏng chức năng của thiết bị, dựa trên mức độ ảnh hưởng của các dạng hư hỏng, tần suất hư hỏng đã xảy ra trong quá khứ, chủng loại thiết bị tương tự, yêu cầu của nhà sản xuất, vai trò thiết bị trong hệ thống điện, kinh nghiệm chuyên gia, tính chất của từng hạng mục kiểm tra, thí nghiệm, hiệu suất mong muốn của chủ tài sản.

- Đối với các chủ sở hữu thiết bị có áp dụng các chính sách sửa chữa bảo dưỡng tiên tiến, chu kỳ kiểm định của thiết bị được phép kéo dài dựa trên quy trình phân tích của chính sách sửa chữa bảo dưỡng do chủ sở hữu phê duyệt. Vì vậy, việc áp dụng một chu kỳ không quá 3 năm đối với các thiết bị như các văn bản pháp luật nói trên sẽ không thực hiện được chính sách sửa chữa bảo dưỡng tiên tiến.

- Định mức, đơn giá áp dụng cho hoạt động kiểm định hiện nay chưa có quy định cụ thể.

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung các quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện và quản lý an toàn sử dụng điện sau công tơ là cần thiết nhằm giải quyết vấn đề lỗ hổng pháp lý hiện nay, nhằm giảm thiểu các hậu quả trong đời sống dân sinh hiện nay.

c) Về an toàn đập, hồ chứa thủy điện

- Luật Điện lực chưa có quy định chi tiết về công tác vận hành an toàn hồ chứa, công tác đảm bảo an toàn vùng hạ du đập thủy điện, công tác quản lý hoạt động trong phạm vi bảo vệ an toàn đập, hồ chứa thủy điện, công tác phối hợp giữa đơn vị quản lý vận hành công trình với các cấp chính quyền địa phương trong công tác phòng chống thiên tai và ứng phó tình huống khẩn cấp. Các quy định này hiện đang được quy định rải rác ở Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Cơ quan quản lý nhà nước và các chủ đập, hồ chứa thủy điện hiện nay đang thực hiện công tác quản lý vận hành công trình đập, hồ chứa thủy điện và các công tác liên quan đến phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN) ở hạ du được thực hiện chủ yếu tuân thủ theo các pháp luật trên và các văn bản hướng dẫn thi hành chung cho cả công trình thủy lợi và công trình thủy điện.

- Tình trạng vi phạm quy trình vận hành dẫn đến nguy cơ sự cố nghiêm trọng vẫn diễn ra phổ biến tại các chủ đập, hồ chứa thuộc khối doanh nghiệp tư nhân, ngoài nhà nước. Thực tiễn hiện nay, công tác đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy điện có đặc thù khác biệt với hồ chứa thủy lợi như: Mục tiêu vận hành công trình khác nhau; đối tượng quản lý khác nhau; chế độ vận hành khác nhau, loại hình đập thủy điện đa dạng và phức tạp hơn cần có quy định cụ thể cho từng loại hình phù hợp, đồng bộ, thống nhất với công tác quản lý an toàn điện nói chung... Do đó, việc bổ sung quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện vào Luật điện lực sửa đổi là cần thiết.

Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 114/2018/NĐ-CP đã phân nào giải quyết được vấn đề khung pháp lý của lĩnh vực thủy điện. Nhằm nâng cao hiệu lực pháp lý trong việc quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện, cần Luật hóa một số nguyên tắc, quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP để quy định tại Luật Điện lực, đặc biệt là những nội dung mang tính chuyên ngành, đặc thù để điều chỉnh vấn đề an toàn đập, hồ chứa thủy điện so với vấn đề quản lý an toàn đập, hồ chứa nước nói chung. Theo đó sẽ phân cấp cho Chính phủ, Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Ngoài hai vấn đề chính nêu trên, đứng trước bối cảnh sự gia tăng của nguồn điện năng lượng tái tạo, việc bổ sung quy định liên quan đến an toàn công trình điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

- Hoàn thiện quy định pháp luật về điện lực, phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, luật hóa định hướng chủ trương, chính sách của Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Hoàn thiện Luật Điện lực nhằm tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, khả thi cho hoạt động điện lực và sử dụng điện. Đảm bảo sự phù hợp và đồng bộ giữa chính sách phát triển điện lực với các chính sách có liên quan khác, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đồng thời, khắc phục các bất cập trong quá trình thực thi Luật Điện lực hiện hành.

- Tạo điều kiện cho phát triển nguồn và lưới điện nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của nhân dân và sự phát triển của nền kinh tế - xã hội; bảo đảm và nâng cao chất lượng điện năng, chất lượng cung cấp dịch vụ điện; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia, trong đó, đẩy mạnh việc phát triển điện năng lượng tái tạo phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội.

- Đổi mới các nội dung quy định tại luật nhằm nâng cao tính khả thi và tính hiệu quả trong thực thi pháp luật về điện lực, đáp ứng yêu cầu của phát triển ngành điện nói chung và thị trường điện lực cạnh tranh nói riêng, tiến tới xây dựng thị

trường bán lẻ điện cạnh tranh hoàn chỉnh, trong đó, trọng tâm là điều chỉnh cơ chế giá điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; bảo đảm phát huy quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của các đơn vị điện lực, không phân biệt đối xử trong hoạt động điện lực, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các hoạt động điện lực; kết hợp hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng điện, đơn vị điện lực và Nhà nước.

- Xây dựng cơ chế chính sách để khuyến khích sử dụng điện an toàn, tiết kiệm hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển năng lượng bền vững, đồng thời, hoàn thiện quy định để ràng buộc trách nhiệm của khách hàng sử dụng điện trong quá trình sử dụng điện nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản, giảm thiểu thiệt hại cho gia đình và xã hội.

- Nâng cao tính hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền các nội dung hướng dẫn cho Chính phủ, Bộ Công Thương, phù hợp với đặc thù của ngành điện lực là ngành kỹ thuật, thường xuyên thay đổi để phù hợp với sự cải tiến của khoa học, kỹ thuật, đặc biệt hoạt động vận hành hệ thống điện, an toàn đập và hồ chứa thủy điện, góp phần tích cực trong công tác bảo đảm an ninh cung cấp điện.

2. Quan điểm xây dựng Dự án Luật Điện lực (sửa đổi)

- Xây dựng Luật để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhằm xây dựng và phát triển ngành điện phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Đảm bảo sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với các hoạt động điện lực, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; trong đó phân định rõ chức năng quản lý, điều tiết của nhà nước về điện lực và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh điện của doanh nghiệp.

- Tập trung các nguồn lực để sửa đổi, hoàn thiện Luật Điện lực một cách đồng bộ, toàn diện, đảm bảo tính khả thi; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế để hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hình thành và vận hành thị trường bán lẻ điện cạnh tranh hoàn chỉnh.

- Chú trọng đổi mới, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến và tận dụng có hiệu quả cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư.

- Cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động điện lực kết hợp với việc cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước và phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về điện lực, giữ vững kỷ cương và sự bền vững của thị trường.

- Kế thừa, tiếp tục phát triển và hoàn thiện những quy định pháp luật về điện lực còn phù hợp với thực tế và đã có tác động tích cực đối với sự phát triển của ngành điện, đồng thời chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung những quy định đã phát

sinh hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tính tương thích với cam kết quốc tế có liên quan; xác định rõ nội dung, nguyên tắc áp dụng Luật Điện lực bảo đảm không chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật Điện lực và các luật khác có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Bộ Công Thương đã thực hiện tổng kết, đánh giá quy định của Luật Điện lực hiện hành và có Báo cáo tổng kết thi hành Luật Điện lực số 258/BC-BCT ngày 06 tháng 12 năm 2023.

2. Thực hiện Nghị quyết số ngày tháng năm 2024 của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và *Nghị quyết số 203/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên về đề xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2023*, Chính phủ giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành xây dựng dự án Luật Điện lực (sửa đổi).

3. Ngày 04 tháng 3 năm 2024, Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự án Luật Điện lực (sửa đổi) đã được thành lập theo Quyết định số 462/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương, trong đó, Ban soạn thảo gồm 47 thành viên đến từ Cơ quan Đảng (Ban Tuyên giáo Trung ương); các tổ chức chính trị, xã hội, hiệp hội (Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội Điện lực Việt Nam, Hội Bảo vệ người tiêu dùng); 14 Bộ, cơ quan ngang Bộ (Bộ Công Thương là cơ quan chủ trì soạn thảo cùng với các cơ quan: Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng); một số Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 02 tập đoàn có nhiều hoạt động trong lĩnh vực điện lực (Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

4. Trong tháng 3 năm 2024, Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự án Luật Điện lực (sửa đổi) đã tổ chức họp, thông qua Đề cương chi tiết luật và Dự thảo 01 của dự án luật.

5. Dự thảo Luật đã được gửi lấy ý kiến theo quy định tại Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như sau:

a) *Đăng tải toàn văn dự thảo luật và tờ trình trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương ngày ... tháng ... năm 2024 để lấy ý kiến rộng rãi của người dân, doanh nghiệp;*

b) *Bộ Công Thương đã có văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ ngành, ..., các đơn vị điện lực và các hiệp hội hoạt động trong lĩnh vực điện lực (Công văn số .../BCT-... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Công Thương) đề nghị có ý kiến đối với dự án Luật Điện lực (sửa đổi);*

c) Bộ Công Thương đã tổ chức ... hội thảo (tại 3 miền ở Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh) với sự tham gia của ... doanh nghiệp hoạt động điện lực, đại diện cơ quan quản lý nhà nước trên phạm vi toàn quốc và các chuyên gia. Ngoài ra, Bộ Công Thương đã trực tiếp trao đổi, làm việc với các chuyên gia quốc tế để hiểu sâu mô hình quản lý, bối cảnh quy định, trình độ phát triển, thực tiễn triển khai các chính sách tại một số quốc gia tiên tiến trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam. Đồng thời, đã tổ chức nhiều buổi làm việc với chuyên gia trong nước, các hiệp hội, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để góp ý với các nội dung trong dự thảo luật.

Tính đến ngày ... tháng ... năm 2024, Bộ Công Thương đã nhận được ... văn bản và ý kiến góp ý (... văn bản của Bộ, cơ quan ngang bộ, ... văn bản của cơ quan cấp tỉnh, ... văn bản của các hiệp hội, doanh nghiệp hoạt động điện lực và ... ý kiến trên cổng thông tin điện tử).

Trên cơ sở các ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị-xã hội, các doanh nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực điện lực, Bộ Công Thương đã tổ chức tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Dự thảo Luật.

d) Dự thảo Luật sau khi chỉnh lý và Bảng giải trình, tiếp thu ý kiến đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương ngày ... tháng ... năm 2024;

6. Hồ sơ dự án Luật Điện lực (sửa đổi) đã được Bộ Công Thương gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định tại Công văn số .../BCT-... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Công Thương;

7. Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định Hồ sơ dự thảo Luật và có Báo cáo thẩm định số .../...-... ngày ... tháng ... năm ... gửi Bộ Công Thương.

8. Bộ Công Thương đã có Báo cáo giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp số .../BCT-BC ngày ... tháng ... năm

9. Dự thảo đã được Bộ Công Thương chỉnh lý, hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và trình Chính phủ tại Tờ trình số....

10. Ngày ... tháng ... năm 2024, Chính phủ đã họp cho ý kiến về nội dung của dự án luật và thông qua tại Nghị quyết số ... Trên cơ sở ý kiến của các Thành viên Chính phủ, Bộ Công Thương đã có Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ và hoàn thiện dự án luật.

11. Ngày ... tháng ... năm 2024, Chính phủ đã trình Quốc hội dự án Luật Điện lực (sửa đổi) tại Tờ trình số ...

12. Ngày ... tháng ... năm 2024, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã có Báo cáo số ... về thẩm tra dự án Luật Điện lực (sửa đổi)

13. Ngày ... tháng ... năm 2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp và cho ý kiến về dự án Luật Điện lực (sửa đổi) tại Phiên họp thứ... Chính phủ đã trình Quốc hội dự án Luật Điện lực (sửa đổi) tại Tờ trình số ... Chính phủ đã trình Quốc hội dự án Luật Điện lực (sửa đổi) tại Tờ trình số ...

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT ĐIỆN LỰC (SỬA ĐỔI)

Dự thảo Luật bám sát vào 06 chính sách đã được Chính phủ trình Quốc hội và không bổ sung chính sách mới, cụ thể như sau

1. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật Điện lực bao gồm 9 chương với 94 điều. Các Chương của luật được sắp xếp, bố cục lại cụ thể như sau:

a) Chương I. Quy định chung bao gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8)

b) Chương II. Quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực bao gồm 04 mục với 14 điều như sau:

- Mục 1. Quy hoạch phát triển điện lực gồm 04 điều (Từ Điều 9 đến Điều 12);

- Mục 02. Đầu tư dự án điện lực gồm 03 điều (Từ Điều 13 đến Điều 15);

- Mục 03. Lựa chọn nhà đầu tư dự án nguồn điện gồm 03 điều (Từ Điều 16 đến Điều 18);

- Mục 04. Xử lý các dự án nguồn điện chậm tiến độ gồm 04 điều (Từ Điều 19 đến Điều 22).

c) Chương III. Phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới bao gồm 05 điều (từ Điều 23 đến Điều 27).

d) Chương IV. Giấy phép hoạt động điện lực bao gồm 08 điều (từ Điều 28 đến Điều 35)

đ) Chương V. Hoạt động mua bán điện bao gồm 3 mục như sau:

- Mục 1. Thị trường điện cạnh tranh gồm 07 điều (từ Điều 36 đến Điều 42);

- Mục 2. Mua bán điện và dịch vụ cung cấp điện gồm 14 điều (từ Điều 43 đến Điều 56);

- Mục 3. Giá điện gồm 04 điều (từ Điều 57 đến Điều 60).

e) Chương VI. Vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia bao gồm 12 điều (từ Điều 61 đến Điều 72)

g) Chương VII. Bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện bao gồm 2 mục sau:

- Mục 1. Bảo vệ công trình điện lực bao gồm 07 điều (từ điều 73 đến 79).

- Mục 2. An toàn điện và an toàn đập, hồ chứa thủy điện gồm 10 điều (từ Điều 80 đến Điều 89).

h) Chương VIII. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện lực gồm 02 điều

(Điều 90 và Điều 91).

i) Chương IX. Điều khoản thi hành gồm 03 điều (Điều 92, 93 và Điều 94).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

2.1. Những quy định chung (Chương I)

Chương này bao gồm quy định về: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2); Áp dụng pháp luật (Điều 3); Giải thích từ ngữ (Điều 4); Chính sách phát triển điện lực (Điều 5); Hợp tác quốc tế trong hoạt động điện lực (Điều 6); Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về điện lực (Điều 7) và các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện (Điều 8).

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1): Luật này quy định về chính sách phát triển điện lực; quy hoạch phát triển điện lực và đầu tư xây dựng dự án điện lực; phát triển điện năng lượng tái tạo và điện năng lượng mới; giấy phép hoạt động điện lực; hoạt động mua bán điện; vận hành hệ thống điện; bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện. (Nội dung này được hiệu chỉnh cho phù hợp với nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo luật)

- Đối tượng áp dụng (Điều 2): Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có các hoạt động khác liên quan đến hoạt động điện lực trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (Nội dung này kế thừa quy định tại Luật hiện hành)

- Áp dụng pháp luật (Điều 3): Dự thảo luật bổ sung điều này trên cơ sở kế thừa quy định về áp dụng điều ước quốc tế và bổ sung 02 trường hợp: (i) Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Điện lực và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Điện lực có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Luật Điện lực; (ii) Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Điện lực có hiệu lực thì hành cần quy định đặc thù về ngành, lĩnh vực điện lực khác với quy định của Luật Điện lực thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Điện lực, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.

- Giải thích từ ngữ (Điều 4): Kế thừa các định nghĩa hiện hành, bổ sung một số định nghĩa về Dự án điện, Thông số kỹ thuật chuyên ngành; Dự án đầu tư mở rộng nguồn điện; Điện năng lượng tái tạo; Điện năng lượng mới; Thủy điện nhỏ; Lưới điện phân phối; Lưới điện truyền tải; Nhà máy điện gió ngoài khơi, Nhà máy điện gió trên biển; Nhà máy điện gió trên đất liền; Nguồn điện tự sử dụng; Thị trường điện giao ngay; Đơn vị quản lý số liệu đo đếm điện năng; Thiết bị đo đếm điện; Trộm cắp điện; An toàn điện; Sử dụng điện; Kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị dụng cụ điện; Hành lang bảo vệ an toàn lưới điện; Lưới điện cao áp; Đập, hồ chứa thủy điện; An toàn đập, hồ chứa thủy điện; Chủ sở hữu đập thủy điện; Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện.

- Chính sách phát triển điện lực (Điều 5):

+ Kế thừa các định nghĩa hiện hành và định hướng trong đề nghị xây dựng luật, đề cương Luật, Điều này đã được xây dựng chủ yếu theo hướng kế thừa quy định tại Điều 4 và Điều 60 Luật hiện hành, trong đó, tại nội dung về “Nhà nước

độc quyền trong các hoạt động” đã bổ sung quy định về giao Chính phủ quy định chi tiết điểm b khoản này. Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh phù hợp với Đề cương chi tiết luật.

+ Không tiếp tục kế thừa chính sách và biện pháp khuyến khích, thúc đẩy tiết kiệm điện (Điều 13 Luật hiện hành) tại Điều 5 Dự thảo luật. Do nội dung này có sự chông chéo với nội dung tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Tại Dự thảo Luật Điện lực (sửa đổi) chỉ nên quy định những nội dung phù hợp về tiết kiệm trong phát điện, truyền tải, phân phối điện và vấn đề quản lý nhu cầu điện và đã được quy định chi tiết tại Chương VI, không cần đưa nội dung về chính sách chung tại Chương I (các nội dung khác về sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả trong khâu sử dụng đã được điều chỉnh bởi Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả).

- Hợp tác quốc tế trong hoạt động điện lực (Điều 6): bổ sung quy định về Hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ về năng lượng tái tạo tại Điều này.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về điện lực (Điều 7): Kế thừa và có hiệu chỉnh bổ sung trách nhiệm của “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác” và trách nhiệm của Bộ Giáo dục và đào tạo “chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có liên quan xây dựng nội dung giáo dục về biện pháp phòng ngừa tai nạn hoặc sự cố do điện gây ra, kỹ năng sơ cứu người bị điện giật để bổ sung vào chương trình giáo dục phù hợp với lứa tuổi”.

- Các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện (Điều 8): bổ sung chủ yếu một số hành vi bị cấm liên quan đến an toàn điện tại Điều này. Các nội dung bổ sung điều cấm về an toàn điện đã được quy định tại Nghị định 14/2014/NĐ-CP và nay được nâng cấp bổ sung vào Điều cấm của luật để nâng cao hiệu lực thi hành và đồng bộ thống nhất với các điều cấm khác trong Luật

2.2. Quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực (Chương II)

Chương này bao gồm 04 mục về:

- Mục 1 về Quy hoạch phát triển điện lực, bao gồm 04 điều quy định về (Quy hoạch phát triển điện lực (Điều 9); Lập, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực (Điều 10); Kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực (Điều 11); Kinh phí cho công tác quy hoạch (Điều 12)).

+ Kế thừa quy định về Điều 10 (Lập, phê duyệt công bố và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực), Điều 12 (Kinh phí cho công tác quy hoạch) theo Luật Điện lực hiện hành.

+ Sửa đổi Điều 9 về Quy hoạch phát triển điện lực (QHPTĐL) về thuật ngữ QHPTĐL tại Dự thảo được hiểu bao gồm “QHPTĐL quốc gia” và “Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh” nhằm tạo cơ sở để đánh giá sự phù hợp với quy hoạch ngành của các dự án điện trong “Phương án phát triển

mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh. Ngoài ra, các nội dung về nguyên tắc, thời kỳ và tầm nhìn QHPTĐL kế thừa Luật Điện lực hiện hành và tuân thủ theo quy định pháp luật về quy hoạch.

+ Bổ sung Điều 11 Dự thảo về Kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực nhằm quy định cụ thể việc lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực và quy định Chính phủ quy định chi tiết nội dung này để làm cơ sở triển khai thực hiện quy hoạch được duyệt.

- Mục 2 về đầu tư xây dựng dự án điện lực, gồm 03 điều quy định về (Đầu tư xây dựng dự án điện lực (Điều 13); Đầu tư xây dựng các dự án điện khẩn cấp (Điều 14); Đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo (Điều 15))

+ Điều 13 Dự thảo kế thừa một vài quy định nguyên tắc chung tại Điều 11 Luật Điện lực hiện hành về trách nhiệm của các chủ đầu tư dự án điện trong tuân thủ các quy định pháp luật liên quan. Bổ sung quy định đánh giá sự phù hợp với quy hoạch; quy định điều chỉnh bổ sung dự án chưa có trong quy hoạch thì phải thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển điện lực theo Luật Quy hoạch hoặc kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực và các trường hợp không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh bổ sung quy hoạch: “các dự án sản xuất điện sử dụng nguồn nhiệt dư từ dây chuyền sản xuất sản phẩm, nguồn năng lượng tái tạo để sản xuất điện cho mục đích tiêu thụ tại chỗ, không bán điện và không đấu nối vào hệ thống điện quốc gia, các dự án lưới điện hạ áp”

+ Bổ sung Điều 14 Dự thảo về đầu tư xây dựng dự án điện khẩn cấp nhằm giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh cung cấp điện (đưa ra tiêu chí dự án điện khẩn cấp; thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục và cơ chế đặc thù để thực hiện dự án điện khẩn cấp).

+ Kế thừa một số nội dung về phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo tại Điều 11 Luật Điện lực hiện hành và sửa đổi, bổ sung quy định sử dụng vốn đầu tư công cho đầu tư phát triển lưới điện vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo nhằm đảm bảo cung cấp, đầu tư nguồn năng lượng điện đến cơ bản 100% các hộ dân khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo sử dụng điện an toàn và tin cậy.

- Mục 3 về lựa chọn nhà đầu tư dự án nguồn điện, lưới điện, gồm 03 điều quy định về: Điều 16 (Lựa chọn nhà đầu tư các dự án nguồn điện và lưới điện đấu nối đồng bộ); Điều 17 (Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án nguồn điện và lưới điện đấu nối đồng bộ); Điều 18 (Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận nhà đầu tư các dự án được quy định tại điểm a, b, đ khoản 3 Điều 16).

Bổ sung mục 3 Dự thảo các quy định về lựa chọn nhà đầu tư dự án nguồn điện và lưới điện đấu nối đồng bộ, lưới điện nhằm cụ thể hóa các đối tượng, trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu và không qua đấu thầu trên cơ sở rà soát các quy định pháp luật về Đầu tư, PPP, Đấu thầu và bổ sung một số trường hợp đặc thù (khẩn cấp, an ninh quốc phòng, thay thế chủ đầu tư dự án điện).

- Mục 4 về xử lý các dự án nguồn điện chậm tiến độ, gồm 04 điều quy định

về: Tiến độ dự án nguồn điện (Điều 19); Điều chỉnh các mốc tiến độ dự án (Điều 20); Theo dõi, đánh giá tiến độ các dự án nguồn điện (Điều 21); Cơ chế xử lý các dự án nguồn điện chậm tiến độ (Điều 22)

Bổ sung nội dung mục 4 các quy định xử lý các dự án nguồn điện chậm tiến độ nhằm quy định chế tài ràng buộc trách nhiệm của các chủ đầu tư khi thực hiện chậm trễ các dự án đầu tư xây dựng công trình điện, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, trung ương để quản lý tiến độ các dự án điện, đưa ra biện pháp xử lý các dự án điện chậm tiến độ, đề xuất thu hồi dự án theo Luật Đầu tư, Luật Đất đai.

2.3. Phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới (Chương III)

Bổ sung Chương này bao gồm các quy định về: Chính sách phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới (Điều 23); Phát triển điện năng lượng tái tạo (Điều 24) Điện năng lượng tái tự sử dụng, tự sản tự tiêu (Điều 25); Phát triển điện gió ngoài khơi (Điều 26) Quản lý, vận hành điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới (Điều 27).

Nội dung chương này được bổ sung mới nhằm thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Chính phủ về phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

2.4. Giấy phép hoạt động điện lực (Chương IV)

Chương này bao gồm quy định về: Đối tượng được cấp giấy phép hoạt động điện lực và phạm vi giấy phép (Điều 28); Điều kiện cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn giấy phép hoạt động điện lực (Điều 29); Trường hợp miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực (Điều 30); Nội dung của giấy phép hoạt động điện lực (Điều 31); Thời hạn giấy phép hoạt động điện lực (Điều 32); Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực (Điều 33); Thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực (Điều 34); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp phép (Điều 35).

Kế thừa một số quy định tại Luật hiện hành và điều chỉnh, bổ sung một số quy định mới về đối tượng được cấp giấy phép hoạt động điện lực và phạm vi giấy phép hoạt động điện lực; điều chỉnh, bổ sung quy định về điều kiện cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn giấy phép hoạt động điện lực; điều chỉnh, bổ sung quy định về thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

Dự thảo bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp phép. Dự thảo đã lược bỏ quy định về hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực và bổ sung quy định quy định cụ thể về điều kiện, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực đối với từng lĩnh vực hoạt động điện lực; quy định trình tự, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn giấy phép hoạt động điện lực.

2.5. Hoạt động mua bán điện (Chương V)

Chương này bao gồm 3 Mục quy định về:

- Mục 1. Thị trường điện cạnh tranh quy định về:

Tại Mục này quy định về: Nguyên tắc hoạt động (Điều 36); Cấp độ phát triển thị trường điện cạnh tranh (Điều 37); Đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh các cấp độ (Điều 38); Mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ (Điều 39); Hoạt động, điều hành giao dịch trên thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ (Điều 40); Quyền và nghĩa vụ của các đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh (Điều 41); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị Điều hành giao dịch thị trường điện lực (Điều 42).

+ Đối với nội dung quy định từ Điều 36 đến Điều 40: Phần lớn các nội dung được kế thừa các nội dung tại Luật Điện lực hiện hành, do các nội dung này vẫn còn giá trị áp dụng trong thực tiễn. Những nội dung mới trong các Điều này được bổ sung bao gồm:

(i) Bổ sung khoản 2 Điều 37 các điều kiện cần thiết phải hoàn thành để đáp ứng yêu cầu vận hành của các cấp độ thị trường điện cạnh tranh. Nội dung này được đưa vào để đảm bảo phù hợp với Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam và chủ trương tại Nghị quyết số 55 – NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 *“không thực hiện bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng, miền”*;

(ii) Bổ sung đối tượng “Đơn vị quản lý số liệu đo đếm điện năng” là một đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh tại khoản 1 Điều 38. Đơn vị này có chức năng quản lý vận hành hệ thống thu thập, xử lý, lưu trữ số liệu đo đếm điện năng phục vụ vận hành và tính toán thanh toán trong thị trường điện. Đơn vị này không phải là đơn vị được thành lập mới, mà chính là các đơn vị phát điện, truyền tải, vận hành hệ thống điện và thị trường điện, phân phối điện có trách nhiệm quản lý vận hành hệ thống đo đếm trong phạm vi quản lý của từng đơn vị (đã được định nghĩa tại Điều 4 của dự thảo Luật). Ngoài ra, tại Điều này bổ sung khoản 2 quy định trách nhiệm của Bộ Công Thương trong việc đưa ra các điều kiện để các đối tượng tham gia thị trường điện phù hợp với từng cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh.

(iii) Bổ sung Hợp đồng kỳ hạn quy định tại khoản 2 Điều 39 là một dạng hợp đồng trong hình thức mua bán thông qua hợp đồng giữa bên bán điện và bên mua điện trong thị trường điện cạnh tranh. Luật Điện lực hiện hành chưa quy định hợp đồng có thời hạn là hợp đồng kỳ hạn - một dịch vụ tài chính phái sinh để các bên quản lý rủi ro khi tham gia thị trường điện. Đặc trưng của thị trường điện cạnh tranh là giá điện trên thị trường giao ngay biến động rất nhanh theo từng chu kỳ giao dịch (hiện nay là 30 phút) và hợp đồng kỳ hạn chính là dịch vụ tài chính phái sinh hữu hiệu và cần thiết để bên bán và bên mua quản lý rủi ro trước các biến động liên tục của giá điện trên thị trường điện giao ngay và được áp dụng phổ biến ở các quốc gia phát triển thị trường điện cạnh tranh. Việc áp dụng cơ chế hợp đồng kỳ hạn trong thị trường điện còn liên quan đến cơ chế thuế giá trị gia tăng

(VAT) đối với các giao dịch này. Theo thông lệ quốc tế tại các nước có thị trường điện hoàn chỉnh (như Úc, Singapore, Ai-len,...) và đang áp dụng hợp đồng kỳ hạn (Forward) hoặc hợp đồng hoán đổi (Swap) trong thị trường điện, đồng thời các giao dịch thông qua hợp đồng này thuộc đối tượng không chịu thuế VAT/GST. Trong các năm vừa qua, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài chính để nghiên cứu về cơ chế thuế VAT trong trường hợp áp dụng về hợp đồng kỳ hạn trong thị trường điện. Đây cũng là yêu cầu cần thiết để xử lý các vấn đề bất cập của thị trường bán buôn điện hiện nay, tạo điều kiện mở rộng phạm vi thị trường bán buôn điện cạnh tranh, tạo tiền đề cho thị trường bán lẻ điện sau này.

+ Đối với Điều 41 và Điều 42: Đây là 02 điều được bổ sung mới quy định quyền và nghĩa vụ của các đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh và đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện. Nội dung của Điều 41 hầu hết được kế thừa từ nội dung của các Điều 39 đến Điều 47 của Luật Điện lực hiện hành để các đơn vị dễ dàng thực hiện theo chức năng nhiệm vụ khi tham gia thị trường điện. Nội dung Điều 42 được xây dựng trên cơ sở đảm bảo phù hợp chức năng vận hành thị trường điện của đơn vị tại các quy định hiện hành (Thông tư số 45/2018/TT-BCT, Thông tư số 24/2019/TT-BCT) đồng thời khắc phục thiếu sót của Luật Điện lực hiện hành (mặc dù đã quy định đơn vị Điều hành giao dịch thị trường điện lực nhưng chưa quy định nội dung về quyền và trách nhiệm của đơn vị này).

- Mục 2. Mua bán điện và dịch vụ cung cấp điện bao gồm quy định về Hợp đồng mua bán điện có thời hạn giữa đơn vị phát điện và bên mua điện (Điều 43); Mua bán điện giữa đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện (Điều 44); Hợp đồng kỳ hạn (Điều 45); Mua bán điện với nước ngoài (Điều 46); Mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện (Điều 47); Thanh toán tiền điện trong hợp đồng mua bán điện đối với khách hàng sử dụng điện (Điều 48); Ngừng, giảm mức cung cấp điện đối với khách hàng sử dụng điện (Điều 49); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phát điện (Điều 50); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị truyền tải điện (Điều 51); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phân phối điện (Điều 52); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán buôn điện (Điều 53); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán lẻ điện (Điều 54); Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện (Điều 55); Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện lớn (Điều 56).

Nội dung tại Mục 2 về cơ bản kế thừa các quy định tại Luật hiện hành và điều chỉnh, bổ sung một số quy định mới như sau:

+ Bổ sung Điều 45 quy định chi tiết về Hợp đồng kỳ hạn: Việc quy định hợp đồng kỳ hạn (giá tham chiếu, giá hợp đồng, trách nhiệm của các Bộ/Cơ quan) làm cơ sở hướng dẫn áp dụng trong thực tiễn, tạo cơ pháp lý quan trọng để hoàn thiện các tính năng thiết kế của thị trường bán buôn điện cạnh tranh, thúc đẩy triển khai thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

+ Bổ sung Điều 47 quy định về mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện để đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước (tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị và Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng

Chính phủ phê quyết Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) và quy định trách nhiệm cụ thể cho các Cơ quan liên quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về mua bán điện với nước ngoài và phân cấp cho Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục phê duyệt chủ trương mua bán điện với nước ngoài.

+ Về Hợp đồng mua bán điện có thời hạn giữa đơn vị phát điện và bên mua điện: xuất phát từ sự cần thiết nêu tại Mục I.4 Tờ trình này, dự thảo Luật sửa đổi quy định tại điểm m khoản 1 Điều 66 Luật hiện hành theo hướng Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra giá hợp đồng theo hợp đồng mua bán điện có thời hạn của đơn vị phát điện tham gia thị trường điện cạnh tranh theo mô hình một đơn vị mua duy nhất theo đề nghị của bên bán điện và bên mua điện, phù hợp với phương pháp xác định giá hợp đồng mua bán điện do Bộ Công Thương hướng dẫn; bổ sung quy định Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn các điều khoản chính của hợp đồng mua bán điện có thời hạn áp dụng trên thị trường điện.

- Mục 3. Giá điện quy định về: Chính sách giá điện (Điều 57); Giá điện (Điều 58); Căn cứ lập và điều chỉnh giá điện (Điều 59); Giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo (Điều 60).

Nội dung tại Mục 3 về cơ bản kế thừa các quy định tại Luật hiện hành và điều chỉnh, bổ sung một số quy định mới như sau:

+ Về chính sách giá điện, dự thảo Luật bổ sung nội dung giá điện cần đảm bảo phản ánh chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh điện của đơn vị điện lực và được thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị điện lực; có cơ chế giá điện phù hợp trong việc nhập khẩu điện với nước ngoài. Để phản ánh định hướng tại Nghị quyết số 55-NQ/TW, dự thảo Luật cũng bổ sung, làm rõ quy định thực hiện cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hợp lý đối với các nhóm khách hàng chưa đủ điều kiện tham gia mua bán điện trên thị trường điện và giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng, miền phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực. Dự thảo Luật cũng bổ sung nội dung giao Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế hỗ trợ giá bán lẻ điện cho mục đích sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

+ Về giá điện:

Sửa đổi các nội dung về: thẩm quyền quy định cơ chế điều chỉnh giá (bán lẻ điện), theo đó Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh giá thay vì Thủ tướng Chính phủ như hiện hành; sửa đổi làm rõ việc Bộ Công Thương hướng dẫn phương pháp lập khung giá phát điện bình quân (để làm rõ việc tính toán bình quân khung giá phát điện theo đời sống kinh tế dự án) và khung giá bán buôn điện bình quân (tính toán bình quân khung giá bán buôn điện theo thời gian sử dụng và tính toán bình quân trong chu kỳ tính khung giá). Các hướng dẫn của Bộ Công Thương về các loại giá điện/khung giá điện sẽ phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực.

Bổ sung nội dung quy định về việc Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng

phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện trong trường hợp cần thiết để ổn định phát triển kinh tế - xã hội để có cơ sở thực hiện sau này.

Bổ sung quy định về phạm vi xây dựng khung giá phát điện bình quân, theo đó sẽ không xây dựng khung giá phát điện bình quân cho các nhà máy điện đầu tư theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà máy điện do nhà nước độc quyền xây dựng và vận hành theo Điều 4 của Luật và nhà máy thủy điện nhỏ để đảm bảo tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách hiện hành cho các loại hình nhà máy điện này. Đồng thời bổ sung thẩm quyền của Bộ Công Thương trong việc quy định phương pháp xác định chi phí và giá điện cho các nhà máy điện do nhà nước độc quyền xây dựng và vận hành theo quy định tại Điều 4 của Luật và nhà máy thủy điện nhỏ.

Bổ sung quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ Công Thương về giá điện đã được quy định ở Nghị định số 137/2013/NĐ-CP nhưng chưa được quy định ở Luật, bao gồm: thẩm quyền của Bộ Công Thương trong việc hướng dẫn phương pháp lập giá phát điện, giá bán buôn điện; thẩm quyền nghiên cứu, xây dựng giá điện nhiều thành phần, cơ chế giá điện khuyến khích cho khách hàng tham gia vào chương trình quản lý nhu cầu điện.

Bổ sung quy định về giá tạm thời giữa bên bán điện và bên mua điện (đã được quy định tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP, tuy nhiên có thay đổi so với Nghị định số 137/2013/NĐ-CP) theo hướng trường hợp chưa thỏa thuận được về giá phát điện, giá bán buôn điện để ký hợp đồng mua bán điện có thời hạn, bên bán điện và bên mua điện có quyền thỏa thuận mức giá tạm thời để áp dụng cho đến khi thỏa thuận được mức giá chính thức.

+ Về căn cứ lập và điều chỉnh giá điện: bổ sung quy định tại khoản 6 Điều 59 dự thảo Luật theo đó ngoài Báo cáo tài chính thì số liệu chi phí sản xuất kinh doanh điện đã được kiểm toán hằng năm của đơn vị điện lực cũng là một trong những căn cứ để lập và điều chỉnh giá điện.

+ Về giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo: sửa đổi quy định (so với quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật hiện hành) theo hướng Thủ tướng Chính phủ quy định giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia, phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực.

2.6. Vận hành, điều độ Hệ thống điện quốc gia (Chương VI)

Chương này bao gồm quy định về: Nguyên tắc vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia (Điều 61); Quy định về hệ thống truyền tải điện (Điều 62); Quy định về hệ thống phân phối điện (Điều 63); Quy định về quản lý nhu cầu điện, tiết kiệm điện (Điều 64); Liên kết lưới điện với nước ngoài (Điều 65); Tiết kiệm trong phát điện (Điều 66); Tiết kiệm trong truyền tải, phân phối điện (Điều 67); Quy định về đo đếm điện (Điều 68); Bảo đảm chất lượng điện năng (Điều 69); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia (Điều 70); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực trong vận hành (Điều 71); Quyền và nghĩa vụ của khách hàng khi đấu nối vào lưới điện (Điều 72).

- Kế thừa các quy định tại Luật Điện lực hiện hành về các nội dung liên quan

tiết kiệm điện, Tiết kiệm trong phát điện, Tiết kiệm trong truyền tải, phân phối điện, Quy định về đo đếm điện, Bảo đảm chất lượng điện năng và đơn vị điện lực trong vận hành, Quyền và nghĩa vụ của khách hàng khi đấu nối vào lưới điện.

- Sửa đổi, bổ sung quy định Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia.

- Sửa đổi bổ sung quy định về ngừng, giảm cung cấp điện đối với khách hàng sử dụng điện, các trường hợp ngừng, giảm cung cấp điện, cũng như bổ sung quy định về phân cấp cho Bộ Công Thương quy định chi tiết về ngừng, giảm cung cấp điện đối với khách hàng sử dụng điện, phương pháp xác định và mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại.

- Bổ sung một số nội dung mới: i) nguyên tắc điều độ, vận hành hệ thống điện; ii) các quy định liên quan đến việc phân cấp cho Chính phủ, Bộ Công Thương trong việc ban hành các quy trình, quy định mang tính kỹ thuật như quy định về nguyên tắc vận hành, điều độ, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia, các yêu cầu kỹ thuật, đấu nối và vận hành lưới điện truyền tải-phân phối. Bên cạnh đó, bổ sung quy định trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Công Thương trong việc xây dựng ban hành các quy định hướng dẫn và trình tự thực hiện chương trình quản lý nhu cầu điện; iii) liên kết lưới điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia.

2.7. Bảo vệ công trình điện lực và an toàn điện trong lĩnh vực điện (Chương VII)

Chương này bao gồm 2 Mục:

- Mục 1. Bảo vệ công trình điện lực gồm các quy định: Trách nhiệm bảo vệ công trình điện lực (Điều 73); Trách nhiệm phối hợp thực hiện khi xây dựng, cải tạo, kết thúc sử dụng công trình điện lực và các công trình khác (Điều 74); Hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp (Điều 75); Bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không (Điều 76); Bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm (Điều 77); Bảo vệ an toàn trạm điện (Điều 78); Kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện (Điều 79).

- Mục 2. An toàn điện và an toàn đập, hồ chứa thủy điện gồm các quy định: Yêu cầu chung về an toàn điện (Điều 80); An toàn trong phát điện (Điều 81); An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Điều 82); An toàn trong truyền tải điện, phân phối điện (Điều 83); An toàn trong đấu nối vào hệ thống điện quốc gia (Điều 84); An toàn trong sử dụng điện cho sản xuất (Điều 85); An toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt, dịch vụ (Điều 86); An toàn điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo (Điều 87); Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp (Điều 88); Xử lý sự cố điện (Điều 89).

- Kế thừa các quy định của Luật Điện lực hiện hành các nội dung liên quan đến quy định về: bảo vệ công trình điện; hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp; an toàn điện trong phát điện, truyền tải, phân phối điện; an toàn điện trong sản xuất.

- Sửa đổi bổ sung các quy định về: an toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt,

dịch vụ (Điều 88); An toàn điện khu vực nông thôn, miền núi, biên giới hải đảo (Điều 87) nhằm quy định cụ thể hơn trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy định về an toàn điện.

- Bổ sung 03 Điều mới so với Luật Điện lực hiện hành, gồm:

+ Điều 79. Kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện: Nhằm bổ sung các quy định về điều kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ kiểm định, tiêu chuẩn kiểm định viên tham gia kiểm định, trách nhiệm của tổ chức cá nhân trong hoạt động kiểm định... Từ đó, tạo cơ sở pháp lý nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với các đơn vị kiểm định và hoạt động kiểm định, đồng thời ngăn chặn những đơn vị không đáp ứng năng lực tham gia hoạt động kiểm định thiết bị, dụng cụ điện.

+ Điều 80. Yêu cầu chung về an toàn điện: Nhằm bổ sung các quy định chung mà các lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối, sử dụng điện đều phải áp dụng; tạo cơ sở pháp lý để Chính phủ, Bộ Công Thương quy định về trách nhiệm về huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện, báo cáo thống kê tai nạn điện (các quy định này đang được quy định tại Nghị định 14/2014/NĐ-CP và Thông tư 05/2021/TT-BCT về an toàn điện).

+ Điều 82. An toàn đập, hồ chứa thủy điện: Nhằm bổ sung các quy định về an toàn theo đặc thù trong lĩnh vực thủy điện mà hiện nay Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước chưa quy định như: Quy định về tích nước hồ chứa phục vụ vận hành thử nghiệm và giai đoạn đưa công trình vào vận hành chính thức; quy định về kiểm tra, đánh giá an toàn đập đang giao trách nhiệm cho cơ quan quản lý nhà nước (trong khi các công trình thủy điện hầu hết là của doanh nghiệp cổ phần, tư nhân đầu tư); quy định về phương án bảo vệ đập, cấp phép trong hoạt động phạm vi bảo vệ công trình thủy điện; quy định về nội dung quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện...

2.8. Trách nhiệm quản lý nhà nước (Chương VIII)

Chương này quy định về trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về điện lực bao gồm: Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện lực (Điều 90); Nội dung quản lý nhà nước về điện lực (Điều 91).

- Kế thừa các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước tại quy định của Luật Điện lực hiện hành đồng thời cụ thể hóa trách nhiệm của Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các cấp.

- Kế thừa một số quy định tại Điều 66 Luật Điện lực hiện hành về điều tiết điện lực, bổ sung nội dung quản lý nhà nước về quy hoạch phát triển điện lực, đầu tư phát triển điện lực, an toàn điện, an toàn đập, hồ chứa thủy điện để bao quát toàn bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực.

2.9. Điều khoản thi hành (Chương IX)

Điều khoản thi hành bao gồm: Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số khoản, điều, phụ lục của các luật liên quan (Điều 92); Hiệu lực thi hành (Điều 93); Quy định chuyển tiếp (Điều 94), cụ thể:

- Điều 92 về sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số khoản, điều, phụ lục

của các luật liên quan tại Luật Quy hoạch và Luật Đầu tư. Cụ thể:

+ Sửa quy định tại Luật Quy hoạch và Luật Đầu tư sau: thay thế cụm từ “Quy hoạch phát triển điện lực” thành “Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia”. Lý do: nhằm chuẩn xác thống nhất với tên quy hoạch này tại Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP nội hàm của cụm từ “quy hoạch phát triển điện lực” tại Luật Điện lực.

+ Bổ sung các quy định còn thiếu trong Luật Đầu tư về:

+ Ngoài các trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư tại Điều 77 Luật Đầu tư, bổ sung các trường hợp dự án sử dụng vốn nhà nước theo Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (các dự án đầu tư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trừ các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội”) để giảm bớt các thủ tục đầu tư của các dự án này.

+ Thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các dự án điện gió ngoài khơi trên biển, dự án cáp điện ngầm vượt biển làm cơ sở thực hiện thủ tục trình phê duyệt chủ trương các dự án này theo quy định tại Luật Đầu tư.

- Điều 94: Quy định chuyển tiếp: Đơn vị được cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định của Luật Điện lực số 28/2004/QH11 và các Luật sửa đổi, bổ sung thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép hoạt động điện lực đó.

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua nội dung Luật Điện lực (sửa đổi), Bộ Công Thương kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Điện lực; (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi); (3) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan về dự thảo hồ sơ xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi), bản chụp ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan; (4) Báo cáo thẩm định xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi); (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định Luật Điện lực (sửa đổi)).

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thứ trưởng Nguyễn Sinh Nhật Tân;
- VPC, Cục ĐL, Cục ATMT, Vụ TKNL;
- Lưu: VT, ĐTĐL.

Nguyễn Hồng Diên